

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hà; Ông Phan Quốc Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2020/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trịnh Công T – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Đội 4, thôn Xuân Trì, xã Q, huyện G, tỉnh Hải Dương.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tri Thiện 3, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trịnh Công T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã T), huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 12/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác biệt về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột lẫn nhau, mâu thuẫn không thể giải quyết được, không khí gia đình luôn trong trạng thái căng thẳng. Chị N đã để lại con cho anh T nuôi và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân từ năm 2007 đến nay, không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa, nên anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 01 con chung là Trịnh Lan A – sinh ngày 12/4/2006, hiện nay cháu đang ở với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu Trịnh Lan A cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị N theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị N không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không có ý kiến của chị N về việc anh T yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt anh T, vắng mặt chị N nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 16/9/2020 chị N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N.

* Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn anh Trịnh Công T đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chị Nguyễn Thị N không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Công T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị N cố tình vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Trịnh Công T và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã T), huyện G, tỉnh Hải Dương ngày 12/12/2005, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của anh T là hoàn toàn chính đáng, bởi trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh được biết cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác biệt về

quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột lẫn nhau, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Chị N đã để lại con cho anh T nuôi và bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân từ năm 2007 đến nay, không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án chị N cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ, chị N không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trịnh Công T đối với chị Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là Trịnh Lan A – sinh ngày 12/4/2006. Xét thấy, cần giao cháu Lan A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Bởi vì, qua xác minh được biết từ khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở (năm 2007) đến nay cháu Lan A ở cùng với anh T, đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập ổn định. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cháu Lan A đã làm bản tự khai với nguyện vọng xin được ở với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Anh Trịnh Công T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Chị Nguyễn Thị N không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho chị N khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Trịnh Công T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Công T. Cho anh Trịnh Công T ly hôn chị Nguyễn Thị N.

* Về con chung: Giao cháu Trịnh Lan A – sinh ngày 12/4/2006 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh T không được cản trở.

* Dành quyền dân sự cho chị Nguyễn Thị N khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản.

* Về án phí: Anh Trịnh Công T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0010840 ngày 05/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Anh T đã nộp đủ án phí.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T,
huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Hùng